TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 23-01-2019.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.
2. Bà Huỳnh Thị Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 và Thông báo dời lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở chính: Số XX LH, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội (Địa chỉ cũ: Tầng XL Tòa nhà T, số PP phố TT, phường TH, quận HK, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền Th; chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi nợ pháp lý kiêm Quản lý Pháp chế cho Phòng An ninh và Phòng Kiểm soát Gian lận, Phòng thu hồi nợ Pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Theo văn bản ủy quyền số 18/2017/UQ-CT ngày 13/3/2017).

Địa chỉ chi nhánh: Số HN, phường N, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Hiền Th ủy quyền lại cho:

- Ông Dương Thanh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 5xl đường A, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Theo văn bản ủy quyền số 255/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 15/6/2017). (Ông T có đơn xin vắng mặt)

- Ông Hồ Duy TL, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số nhà 5xl đường A, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Theo văn bản ủy quyền số 10/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 25/11/2016). (Ông TL có đơn xin vắng mặt)

- Ông Dương Thanh Tr, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 5xl đường A, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Theo văn bản ủy quyền số 1002/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 28/12/2017). "Có mặt"

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp 2B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25-11-2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày:

Ngày 04/3/2013, bà Trương Thị Đ ký hợp đồng tín dụng số 2013030304-113021-0001 với Ngân hàng Thương mại cổ phần V vay số tiền 16.485.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng), với mức lãi suất 5,14%/tháng, tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, mục đích để tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi là 22.508.000 đồng, cụ thể:

+ Tiền gốc: 16.485.000 đồng.

+ Tiền lãi: 6.023.000 đồng.

+ Thời hạn trả chậm trong 12 tháng (12 kỳ). Theo đó 11 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.876.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.872.000 đồng. Thanh toán vào ngày 04 hàng tháng, bắt đầy thực hiện từ ngày 04/4/2013.

Thực hiện hợp đồng, bà Đ đã nhận đủ số tiền vay tiêu dùng cá nhân nhưng bà Đ chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp để nhắc nhở.

Tổng số tiền mà bà Trương Thị Đ còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng là 22.508.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy hoàn cảnh của bà Đ khó khăn nên Ngân hàng giảm toàn bộ tiền lãi còn lại là 6.023.000 đồng cho bà Đ, chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền gốc là 16.485.000 đồng.

Bà Trương Thị Đ đã cố ý không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghiêm trọng những cam kết ghi trong hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của Ngân hàng. Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu bà Trương Thị Đ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 16.485.000 đồng, không yêu cầu lãi. Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh do chậm trả tiền kể từ khi khởi kiện (Ngày 25/11/2016) cho đến khi xét xử vụ án (Ngày 23/01/2019), nay Ngân hàng xin rút, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà Trương Thị Đ vay với mục đích tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến cá nhân nào khác, nên Ngân hàng Thương mại cổ phần V xác định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Trương Thị Đ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa - bị đơn là bà Trương Thị Đ trình bày:

Bà Trương Thị Đ xác nhận ngày 04/3/2013 vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 16.485.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn

đồng) theo hợp đồng tín dụng số 2013030304-113021-0001, với mức lãi suất 5,14%/tháng, tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, mục đích để tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi là 22.508.000 đồng, cụ thể:

+ Tiền gốc: 16.485.000 đồng.

+ Tiền lãi: 6.023.000 đồng.

+ Thời hạn trả chậm trong 12 tháng (12 kỳ). Theo đó 11 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.876.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.872.000 đồng. Thanh toán vào ngày 04 hàng tháng, bắt đầy thực hiện từ ngày 04/4/2013.

Bà Đ đã nhận đủ số tiền vay tiêu dùng cá nhân, nhưng kể từ khi vay bà Đ chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Đ trả một lần số nợ gốc 16.485.000 đồng, bà Đ không đồng ý vì hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về thời hạn xử lý đơn và thời hạn giải quyết vụ án còn kéo dài chưa đúng quy định tại Điều 191 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm.

Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình; đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khở kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Đ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, không có mục đích lợi nhuận được ký kết giữa các bên. Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trương Thị Đ cư trú tại Tổ A, Ấp 2B, xã B, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét việc bà Trương Thị Đ đã ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2013030304-113021-0001 ngày 04/3/2013 với Ngân hàng Thương mại cổ phần V để vay số tiền 16.485.000 đồng là có thật, phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và đã được các bên đương sự thừa nhận tại phiên tòa. Theo hợp đồng giữa hai bên thỏa thuận, Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho bà Trương Thị Đ vay số tiền 16.485.000 đồng, lãi suất 5,14%/tháng, tương đương 61,68%/năm, tính theo dư

nợ gốc trả giảm dần, mục đích để tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp, thời hạn vay 12 tháng, bắt đầy thực hiện từ ngày 04/4/2013; theo đó 11 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.876.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.872.000 đồng; thanh toán vào ngày 04 hàng tháng. Bà Đ đã nhận đủ tiền vay, nhưng chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng tín dụng số 2013030304-113021-0001 ngày 04/3/2013 mà hai bên đã ký kết.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu bà Trương Thị Đ phải trả số tiền nợ gốc là 16.485.000 đồng. Căn cứ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2013030304-113021-0001 ngày 04/3/2013 và thừa nhận của bà Đ có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 16.485.000 đồng ngày 04/3/2013, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

[4]. Về lãi suất: Xét thấy Ngân hàng Thương mại cổ phần V không yêu cầu bà Trương Thị Đ phải trả số tiền lãi là 6.023.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần V rút yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ Điều 235 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bà Trương Thị Đ từ ngày 25/11/2016 đến ngày 23/01/2019.

[5]. Về tài sản bảo đảm: Khoản vay giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và bà Trương Thị Đ theo hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm.

[6]. Xét mục đích vay của bà Trương Thị Đ để tiêu dùng cá nhân, khi ký kết hợp đồng chỉ cá nhân bà Trương Thị Đ, nên Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu bà Trương Thị Đ thanh toán nợ là có căn cứ.

Căn cứ theo các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, buộc bà Trương Thị Đ phải trả số tiền nợ gốc là 16.485.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

[7] *Về án phí*: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 16.485.000đ x 5% = 824.250 đồng. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 235 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 25/11/2016 đến ngày 23/01/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bà Trương Thị Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bà Trương Thị Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Trương Thị Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ là 16.485.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị Đ phải nộp 824.250 đồng (Tám trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003244 ngày 10/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Duy